

THE CURRENT STATUS OF TEACHERS' PROFESSIONAL ACTIVITIES TOWARDS PROFESSIONAL AUTONOMY AT HIGH SCHOOLS IN HANOI CITY

Bùi Thị Nhiệm

Email: buinhiem@hanoiedu.vn

Hanoi Department of Education và Training
23 Quang Trung street, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 20/8/2025

Revised: 08/9/2025

Accepted: 10/10/2025

Published: 25/12/2025

Abstract: This study aims to survey and evaluate the current status of teachers' professional activities towards of professional autonomy at high schools in Hanoi. By using a 5-level Likert scale survey with 643 managers và teachers, the study collected data from public high schools in 16 areas of Hanoi. The results show that the level of professional autonomy of high school teachers in Hanoi is at a fairly good level, with outstanding strengths in teaching and professional development activities. However, there are still certain limitations in participating in school administration, scientific research activities and community activities. Through analyzing the current situation, the study proposes management solutions to increase teachers' autonomy such as reducing administrative work, increasing training, encouraging innovation in teaching methods and building a school cultural environment to improve the quality of education.

Keywords: Hanoi, professional activities, teachers, high school, professional autonomy.

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN CỦA GIÁO VIÊN THEO HƯỚNG TỰ CHỦ NGHỀ NGHIỆP TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bùi Thị Nhiệm

Email: buinhiem@hanoiedu.vn

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
23 Quang Trung, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 20/8/2025

Chỉnh sửa xong: 08/9/2025

Chấp nhận đăng: 10/10/2025

Xuất bản: 25/12/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm khảo sát và đánh giá thực trạng hoạt động chuyên môn theo hướng tự chủ nghề nghiệp của giáo viên tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bằng cách sử dụng bảng khảo sát theo thang Likert 5 mức độ với 643 cán bộ quản lý và giáo viên, nghiên cứu đã thu thập dữ liệu từ các trường trung học phổ thông công lập trên phạm vi 16 khu vực của Hà Nội. Kết quả cho thấy, mức độ tự chủ nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông tại Hà Nội đang ở mức khá, với những điểm mạnh nổi bật trong hoạt động dạy học, phát triển chuyên môn. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định trong việc tham gia quản trị nhà trường, các hoạt động nghiên cứu khoa học và tham gia hoạt động cộng đồng. Thông qua phân tích thực trạng, nghiên cứu đề xuất các giải pháp về quản lý nhằm tăng cường sự tự chủ cho giáo viên như giảm tải công việc hành chính, tăng cường tập huấn, khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy và xây dựng môi trường văn hóa trường học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Từ khóa: Hà Nội, hoạt động chuyên môn, giáo viên, trung học phổ thông, tự chủ nghề nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động chuyên môn của giáo viên trung học phổ thông là tổ hợp các hoạt động nghề nghiệp cốt lõi, bao gồm hoạt động dạy học, phát triển chuyên môn và tham gia quản trị nhà trường. Theo Lieberman và Miller (2001), quá trình này vừa mang tính cá nhân hóa vừa mang tính xã hội hóa, trong đó

giáo viên vừa là người học suốt đời, vừa là tác nhân thay đổi trong môi trường học tập. Nghiên cứu của Darling - Hammond & Bransford (2005) đã chỉ ra rằng, hoạt động chuyên môn không chỉ bao gồm việc truyền đạt kiến thức mà còn là quá trình tương tác sư phạm đầy chủ ý để phát triển năng lực và phẩm chất người học. Theo cách tiếp cận này, hoạt động

chuyên môn bao gồm: Dạy học, giáo dục, đánh giá, phát triển học sinh, đồng thời không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và cải tiến hoạt động giáo dục. OECD (2021) tiếp cận hoạt động chuyên môn như một tập hợp gồm: giảng dạy, đánh giá, phát triển chuyên môn, hợp tác chuyên môn và tham gia vào quản trị nhà trường. Luật Giáo dục 2019 và Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT xác định hoạt động chuyên môn của giáo viên bao gồm: xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá, tư vấn học sinh (học sinh), nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và tự bồi dưỡng chuyên môn. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT cũng chỉ rõ giáo viên trung học phổ thông chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục (Điều 27), đồng thời được “Tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn” với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường (Điều 29) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Những quy định này phản ánh sự chuyển dịch vai trò giáo viên từ người thực thi sang chủ thể chuyên môn có quyền lựa chọn và chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp.

Hoạt động chuyên môn của giáo viên trung học phổ thông theo hướng tự chủ nghề nghiệp là quá trình thực hành sư phạm có tính hệ thống, liên tục, phản tư và tích hợp, được giáo viên thực hiện một cách chủ động, sáng tạo và có trách nhiệm trong bối cảnh nhà trường và cộng đồng nghề nghiệp - xã hội. Quá trình này bao gồm các hoạt động cốt lõi như: xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, tư vấn và hỗ trợ học sinh, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, phát triển chuyên môn, hợp tác chuyên môn và tham gia quản trị nhà trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021; Quốc hội Việt Nam, 2019). Vậy, thực trạng của vấn đề này đang như thế nào? Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá thực trạng hoạt động chuyên môn của giáo viên theo hướng tự chủ nghề nghiệp tại các trường trung học phổ thông của Hà Nội, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý để tăng cường chất lượng hoạt động chuyên môn của giáo viên theo hướng tự chủ nghề nghiệp tại các trường trung học phổ thông ở Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu hỗn hợp được sử dụng trong bài viết này để có thể khai thác ưu điểm của cả tiếp cận định lượng và định tính để đảm bảo độ tin cậy và chiều sâu của kết quả. Trong đó, nghiên cứu định tính được sử dụng để tổng quan tài liệu ở trên và xây dựng khung lý thuyết như sau:

Khung lý thuyết nghiên cứu: Gwaltney (2012) xác

định 5 thành tố tự chủ của giáo viên bao gồm: Tự chủ nội dung chương trình, Tự chủ phương pháp dạy học, Tự chủ trong đánh giá, Tự chủ trong phát triển chuyên môn, Tự chủ trong tổ chức và ra quyết định tại trường học. Dựa vào khung lý thuyết của Gwaltney (2012) và thực tiễn giáo dục phổ thông tại Hà Nội, nghiên cứu này xác định các hành vi chuyên môn tiêu biểu phản ánh mức độ tự chủ của giáo viên trong từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp. Mỗi hành vi được xây dựng dựa trên cơ sở phân tích 5 thành tố cơ bản của tự chủ theo Gwaltney (về phương pháp, đánh giá, chương trình, phát triển chuyên môn và tổ chức), đồng thời được liên kết với 4 nhóm hoạt động chuyên môn cốt lõi của giáo viên trung học phổ thông bao gồm hoạt động dạy học; Phát triển chuyên môn; Tham gia quản trị nhà trường; Tham gia hoạt động xã hội - cộng đồng.

Về mẫu nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện trên mẫu 643 bao gồm 111 cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng/Tổ phó chuyên môn, chiếm tỉ lệ 17,25%) và 532 giáo viên (giáo viên cốt cán, giáo viên, chiếm tỉ lệ 82,74%) các trường trung học phổ thông ở 16 khu vực của Hà Nội, bao gồm: Ba Đình - Tây Hồ, Chương Mỹ - Thanh Oai, Đan Phượng - Phúc Thọ, Đông Anh, Đống Đa, Gia Lâm - Long Biên, Hà Đông - Hoài Đức, Hoàn Kiếm - Hai Bà Trưng, Hoàng Mai - Thanh Trì, Mĩ Đức - Ứng Hoà, Bắc - Nam Từ Liêm, Sóc Sơn - Mê Linh, Sơn Tây - Ba Vì, Thạch Thất - Quốc Oai, Thanh Xuân - Cầu Giấy, Thường Tín - Phú Xuyên. Cấu trúc mẫu nghiên cứu bao gồm: Về giới tính: 25,03% là nam và 74,97% là nữ; về trình độ: 45,58% Cử nhân, 53,34% Thạc sĩ, 1,05% Tiến sĩ; về thâm niên công tác: Dưới 5 năm (5%), 6-10 năm (8,7%), 11-15 năm (44,1%), trên 15 năm (42,2%); về độ tuổi: Dưới 30 (9,8%), 30-40 (24,6%), 41-50 (50,2%), trên 50 (15,4%).

Thang đo: Nghiên cứu này sử dụng bảng câu hỏi khảo sát làm công cụ thu thập dữ liệu. Thang đo được thiết kế với các cấp độ từ thấp đến cao, thể hiện sự tiến triển trong khả năng ra quyết định nghề nghiệp của giáo viên. Các mục hỏi trong bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 điểm (1 = Hoàn toàn không đồng ý, 2 = Không đồng ý, 3 = Phân vân, 4 = Đồng ý, 5 = Hoàn toàn đồng ý), các mức độ của thang đo phản ánh mức độ đồng thuận của người được khảo sát đối với từng khía cạnh được hỏi về thực trạng quản lý hoạt động chuyên môn của giáo viên theo hướng tự chủ nghề nghiệp tại các trường trung học phổ thông của Hà Nội. Điểm trung bình (ĐTB) tiệm cận về 5 chứng tỏ mức độ đồng thuận cao. ĐTB quy ước các mức độ là: Mức 1 (thấp nhất): $1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,99$; mức 2: $2,0 \leq$

ĐTB < 2,5; mức 3: $2,51 \leq \text{ĐTB} < 3,99$ mức 4: $4,0 \leq \text{ĐTB} < 4,5$; mức 5 (cao nhất): $4,51 \leq \text{ĐTB} \leq 5,0$.

Tác giả không sử dụng trí tuệ nhân tạo trong quá trình hoàn thành bài báo này. Nghiên cứu định lượng được sử dụng thông qua khảo sát số liệu bằng bảng hỏi và sử dụng phần mềm SPSS để phân tích giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, phân tích số liệu. Kết quả cụ thể ở mục 3 dưới đây.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ tự chủ trong các lĩnh vực hoạt động

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ nhận thức về tự chủ trong hoạt động dạy học đạt trung bình 4,11/5 điểm. Đây là nhóm có điểm trung bình cao nhất trong bốn lĩnh vực khảo sát. Trong đó, hai chỉ số “Tôi chủ động xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với học sinh của mình” và “Tôi được tự quyết định phương pháp, hình thức tổ chức dạy học” đạt lần lượt 4,16 và 4,17, phản ánh sự tự tin và cảm nhận rõ rệt của giáo viên trong việc được chủ động lựa chọn phương pháp giảng dạy, thiết kế hoạt động học phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tế của lớp học. Mức điểm trung bình của nhóm Phát triển

chuyên môn này đạt 4,02, đứng thứ ba trong số bốn nhóm hoạt động, phản ánh nhận thức tương đối tích cực về quyền tự chủ trong lựa chọn nội dung và hình thức bồi dưỡng chuyên môn. Lĩnh vực tự chủ trong tham gia quản trị hoạt động chuyên môn của nhà trường có giá trị trung bình thấp nhất trong toàn bộ khảo sát, đạt 3,87/5 điểm. Hai chỉ số “Tôi được chủ trì buổi báo cáo chuyên đề, dạy thực nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm” và “Tôi chủ động tổ chức, điều phối các nhóm chuyên môn cùng học tập, cùng nghiên cứu bài học, phân tích kết quả học sinh, từ đó đề xuất cải tiến giảng dạy” đều là 3,72, cho thấy giáo viên chưa được tham gia một cách chủ động, thực chất vào các hoạt động xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động chuyên môn ở cấp trường.

3.2. Thực trạng nội dung hoạt động chuyên môn của giáo viên theo hướng tự chủ nghề nghiệp

3.2.1. Hoạt động dạy học

Tự chủ nghề nghiệp của giáo viên không chỉ thể hiện ở nhận thức mà còn phải được cụ thể hóa thông qua các hành vi, nội dung và kĩ năng thực hành chuyên môn trong hoạt động giảng dạy.

Dữ liệu khảo sát phản ánh mức độ thực hành

Bảng 1: Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ tự chủ trong các lĩnh vực hoạt động

Nội dung	Tiêu chí	Giá trị trung bình	Thứ bậc
Hoạt động dạy học	Tôi chủ động xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với học sinh của mình.	4,16	2
	Tôi được tự quyết định phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.	4,17	1
	Tôi có quyền lựa chọn công cụ, hình thức và nội dung đánh giá học sinh.	4,03	4
	Tôi được tự tổ chức môi trường lớp học và hướng dẫn hành vi tích cực cho học sinh.	4,07	3
Phát triển chuyên môn	Tôi tự xác định nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn phù hợp với bản thân.	4,05	2
	Tôi được lựa chọn nội dung, hình thức học tập và bồi dưỡng chuyên môn.	3,92	3
	Tôi chủ động tham gia hoặc thực hiện các nghiên cứu chuyên môn, đổi mới giảng dạy.	4,09	1
Tham gia quản trị hoạt động chuyên môn của nhà trường	Tôi được chủ trì buổi báo cáo chuyên đề, dạy thực nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm.	3,72	3
	Tôi chủ động tổ chức, điều phối các nhóm chuyên môn cùng học tập, cùng nghiên cứu bài học, phân tích kết quả học sinh, từ đó đề xuất cải tiến giảng dạy.	3,72	3
	Tôi được góp ý và phản biện kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn.	4,06	1
	Tôi được phân tích dữ liệu học sinh và đề xuất điều chỉnh hoạt động chuyên môn.	3,96	2
Hoạt động xã hội, cộng đồng	Tôi chủ động tham gia các hoạt động xã hội, chính trị tại địa phương.	4,02	2
	Tôi luôn ý thức rõ trách nhiệm của mình trong việc xây dựng hình ảnh nhà giáo trong cộng đồng.	4,17	1
	Tôi có nhiều cơ hội đóng góp chuyên môn cho các hoạt động ngoài nhà trường (hội thảo, hội thi, câu lạc bộ, đoàn thể...).	3,96	3

Bảng 2: *Thực trạng nội dung hoạt động dạy học của giáo viên theo hướng tự chủ nghề nghiệp*

Nội dung	Tiêu chí	Giá trị trung bình	Thứ bậc
Lập kế hoạch bài giảng	Tôi tự xây dựng kế hoạch bài dạy chi tiết cho từng tiết học.	4,17	2
	Tôi chủ động xác định các bước tiến hành dạy học phù hợp với từng nội dung.	4,18	1
	Tôi tự lựa chọn và tổ chức trình tự hoạt động học của học sinh trong mỗi bài dạy.	4,15	4
	Tôi điều chỉnh kế hoạch bài dạy khi nhận thấy nội dung không còn phù hợp với học sinh.	4,16	3
Thiết lập mục tiêu dạy học	Tôi xác định các mục tiêu học tập cụ thể cho từng bài giảng dựa trên đặc điểm và nhu cầu học sinh.	4,13	2
	Tôi điều chỉnh mục tiêu bài giảng để đáp ứng sự khác biệt về năng lực học sinh.	4,11	4
	Tôi đặt ra mục tiêu dạy học phù hợp với từng nhóm học sinh trong lớp.	4,12	3
	Tôi thiết kế mục tiêu bài giảng dựa trên kiến thức thực tế và yêu cầu chương trình môn học.	4,14	1
Thiết kế và điều chỉnh nội dung giảng dạy	Tôi xây dựng mục tiêu dạy học phù hợp với phương pháp giảng dạy tôi lựa chọn.	4,09	5
	Tôi quyết định nội dung giảng dạy dựa trên mục tiêu và không phụ thuộc hoàn toàn vào sách giáo khoa.	3,99	4
	Tôi cập nhật kiến thức và điều chỉnh nội dung bài giảng theo thay đổi của chương trình.	4,14	1
	Tôi sắp xếp nội dung bài học phù hợp với các mục tiêu đã xác định.	4,14	1
	Tôi điều chỉnh nội dung bài học khi học sinh gặp khó khăn với phần kiến thức nhất định.	4,10	3
Lựa chọn và áp dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Tôi lựa chọn và phát triển tài liệu giảng dạy phù hợp thay vì chỉ sử dụng tài liệu có sẵn.	4,11	2
	Tôi tích cực tìm hiểu phương pháp giảng dạy mới để nâng cao chất lượng bài học.	4,17	1
	Tôi lựa chọn phương pháp phù hợp với nội dung bài học và nhu cầu học sinh.	4,17	1
	Tôi thay đổi linh hoạt phương pháp dạy học tùy theo tình huống lớp học.	4,17	1
	Tôi áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học mới phù hợp với môn học (dạy học dự án, tích hợp công nghệ mới).	4,05	4
	Tôi tổ chức các hoạt động học tập đa dạng để khơi dậy sự sáng tạo và tự học của học sinh.	4,10	2
Thiết kế và tổ chức hoạt động đánh giá học sinh	Tôi tạo không gian học tập khuyến khích học sinh chủ động và trao đổi ý tưởng.	4,09	3
	Tôi chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá theo định hướng môn học.	4,09	2
	Tôi xác định tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu bài học.	4,12	1
	Tôi điều chỉnh cách thức đánh giá phù hợp với từng lớp học.	4,09	2
	Tôi quyết định thời điểm và hình thức đánh giá học sinh trong năm học.	3,82	5
	Tôi lựa chọn phương thức phản hồi phù hợp (trực tiếp, email, sổ liên lạc...).	4,04	4
Quản lý lớp học và xây dựng môi trường học tập tích cực	Tôi đưa ra phản hồi cụ thể hỗ trợ sự tiến bộ của học sinh.	4,07	3
	Tôi có đủ quyền hạn để thực hiện các quyết định quản lý lớp học.	4,01	4
	Tôi không bị can thiệp quá mức vào chuyên môn và quản lý lớp học.	4,01	4
	Tôi xử lý hiệu quả các tình huống khó khăn trong lớp học.	4,02	3
	Tôi xây dựng môi trường học tập tôn trọng sự đa dạng của học sinh.	4,12	1
	Tôi hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng tự quản lý học tập và thói quen tự giác.	4,11	2

Bảng 3: Thực trạng phát triển chuyên môn của giáo viên theo hướng tự chủ nghề nghiệp

Nội dung	Tiêu chí	Giá trị trung bình	Thứ bậc
Tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của ngành	Tôi chủ động đăng kí và lựa chọn các khóa tập huấn phù hợp với năng lực và định hướng cá nhân.	3,95	3
	Tôi lựa chọn nội dung bồi dưỡng dựa trên nhu cầu học hỏi và thực tiễn giảng dạy.	4,02	1
	Tôi đề xuất các nội dung bồi dưỡng chuyên môn phù hợp với nhu cầu của tổ chuyên môn.	3,93	4
	Tôi chủ động lựa chọn hình thức bồi dưỡng phù hợp (trực tuyến, trực tiếp, hội thảo...).	3,95	3
	Tôi tích cực đóng góp ý kiến trong việc đánh giá hiệu quả các chương trình bồi dưỡng.	3,97	2
Tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ	Tôi tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp.	4,02	3
	Tôi thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, tìm kiếm tài liệu và học liệu mới.	4,10	1
	Tôi áp dụng hiệu quả kiến thức từ các chương trình bồi dưỡng vào giảng dạy.	3,99	4
	Tôi chủ động tham gia các khóa bồi dưỡng ngoài chương trình bắt buộc.	4,02	3
	Tôi chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm học được với đồng nghiệp.	4,08	2
Tham gia sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn và cộng đồng học tập chuyên môn	Tôi tích cực cùng đồng nghiệp phân tích chương trình, mục tiêu, phương pháp dạy học.	4,09	1
	Tôi chủ động thảo luận các chủ đề khó hoặc tình huống sư phạm phát sinh.	4,06	2
	Tôi chia sẻ các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng học sinh của mình.	4,05	3
	Tôi tham gia góp ý, điều chỉnh kế hoạch bài dạy của cá nhân hoặc tổ nhóm.	4,01	5
	Tôi cùng đồng nghiệp xây dựng kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn từ kinh nghiệm thực tiễn.	4,02	4
	Tôi tham gia đánh giá hoạt động chuyên môn của tổ nhóm.	4,01	5
	Tôi thường xuyên tự đánh giá và tiếp nhận phản hồi từ đồng nghiệp để cải tiến chuyên môn.	4,05	3
Tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	Tôi chủ động xác định chủ đề nghiên cứu phù hợp với chuyên môn và bối cảnh dạy học.	4,01	2
	Tôi lựa chọn và áp dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp.	4,02	1
	Tôi tích cực phối hợp với cộng tác viên trong quá trình thực hiện nghiên cứu.	3,99	3
	Tôi quản lý thời gian hiệu quả để đảm bảo tiến độ thực hiện đề tài.	3,98	4
	Tôi tự đánh giá và liên tục hoàn thiện năng lực nghiên cứu của bản thân.	3,99	3
	Tôi có kĩ năng viết bài nghiên cứu và thường xuyên hoàn thiện bản thảo.	3,84	6
	Tôi chủ động tìm kiếm cơ hội tham gia đề tài nghiên cứu hoặc hợp tác khoa học.	3,84	6
	Tôi sẵn sàng dành thời gian ngoài giờ làm việc để phục vụ công tác nghiên cứu.	3,90	5

quyền tự chủ của giáo viên trong việc lập kế hoạch bài giảng đạt ở ngưỡng tích cực, với các giá trị trung bình nằm trong khoảng 4,12 (từ 4,15 đến 4,18), phản ánh khả năng xác định chuẩn đầu ra, năng lực cần hình thành cho học sinh cũng như tính phù hợp với

đặc điểm địa phương và tình hình lớp học. Nhóm nội dung thiết kế và tổ chức hoạt động đánh giá học sinh lại cho thấy sự khác biệt so với các nhóm nội dung khác. Trong đó, tiêu chí “Tôi quyết định thời điểm và hình thức đánh giá học sinh trong năm học”

có mức điểm thấp nhất trong toàn bộ bảng khảo sát (3,82), phản ánh sự không đồng đều về thời điểm và hình thức tổ chức và thực hiện các hoạt động đánh giá học sinh. Kết quả tổng thể ở nhóm thực trạng tự chủ nghề nghiệp trong hoạt động dạy học cho thấy đội ngũ giáo viên đã thể hiện được mức độ tự chủ nghề nghiệp tương đối cao trong hầu hết các nội dung chuyên môn của hoạt động dạy học. Trong đó, lập kế hoạch bài giảng, lựa chọn phương pháp giảng dạy và thiết lập mục tiêu học tập là những nội dung đạt mức điểm cao và ổn định, phản ánh năng lực chuyên môn vững vàng và tinh thần chủ động của giáo viên. Tuy nhiên, điều chỉnh nội dung chương trình và tổ chức hoạt động đánh giá vẫn là những

điểm còn bất cập, cần có sự đầu tư bồi dưỡng sâu hơn về lí luận và kĩ năng thực hành.

3.2.2. Phát triển chuyên môn

Bảng 3 cho thấy, nhóm nội dung Tự học và Tự bồi dưỡng thể hiện mức độ cao hơn với điểm trung bình dao động từ 3,99 đến 4,10. Điều này khẳng định rằng, giáo viên hiện nay có nhận thức tốt về tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu để duy trì và nâng cao năng lực nghề nghiệp. Khác với ba nhóm còn lại, hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng chưa ghi nhận được mức độ triển khai tương xứng (điểm trung bình chỉ đạt từ 3,84 đến 4,02), trong đó hai tiêu chí “Tôi có kĩ năng viết bài nghiên cứu và thường xuyên hoàn thiện bản thảo”

Bảng 4: Thực trạng quản trị nhà trường của giáo viên theo hướng tự chủ nghề nghiệp

Nội dung	Tiêu chí	Giá trị trung bình	Thứ bậc
Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục và chiến lược phát triển nhà trường	Tôi góp ý và xây dựng mục tiêu, định hướng phát triển của nhà trường dựa trên thực tiễn chuyên môn.	3,95	1
	Tôi đề xuất và triển khai các giải pháp giáo dục phù hợp với bối cảnh học sinh và nhà trường.	3,92	3
	Tôi đóng góp ý kiến chiến lược trong các cuộc họp tổ chuyên môn và hội đồng sư phạm.	3,93	2
Tham gia xây dựng và thực hiện quy chế chuyên môn	Tôi đóng góp xây dựng và điều chỉnh quy chế chuyên môn phù hợp với thực tiễn dạy học.	3,94	1
	Tôi đề xuất những điều chỉnh quy định chuyên môn dựa trên phản ánh từ thực tiễn giảng dạy.	3,94	1
	Tôi phổ biến và hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện các quy chế chuyên môn một cách hiệu quả.	3,90	2
Tham gia xây dựng môi trường học tập tích cực và văn hóa nhà trường	Tôi đóng góp và triển khai ý tưởng xây dựng môi trường học tập tích cực.	3,95	2
	Tôi tham gia các hoạt động nhằm lan tỏa giá trị văn hóa nhà trường.	4,07	1
	Tôi hợp tác với đồng nghiệp để xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tích cực.	4,07	1
Tham gia kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục	Tôi tham gia vào các hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ với tinh thần xây dựng.	4,02	1
	Tôi phản hồi hoạt động giáo dục dựa trên dữ liệu quan sát và phân tích chuyên môn.	3,99	2
	Tôi đề xuất các cải tiến cụ thể cho tổ/nhóm chuyên môn dựa trên kết quả giảng dạy.	3,98	3
Tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường	Tôi nêu quan điểm chuyên môn với lãnh đạo nhà trường trong các hoạt động đối thoại.	3,92	2
	Tôi đưa ra đề xuất cụ thể trong xây dựng nội quy, quy chế và hoạt động dân chủ.	3,91	3
	Tôi trình bày ý kiến trong các cuộc thảo luận dân chủ một cách thẳng thắn và có trách nhiệm.	3,95	1

và “Tôi chủ động tìm kiếm cơ hội tham gia đề tài nghiên cứu hoặc hợp tác khoa học” có điểm trung bình thấp nhất (3,84). Thực tế này phản ánh rằng, nghiên cứu sư phạm ứng dụng vẫn là lĩnh vực ít được quan tâm đối với nhiều giáo viên, đặc biệt là ở bậc phổ thông. Có thể nhận định rằng giáo viên đã bước đầu thể hiện quyền tự chủ một cách rõ nét trong các hoạt động phát triển chuyên môn mang tính cá nhân như tự học, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn.

Tuy nhiên, các nội dung cần đến tư duy hệ thống và kỹ năng cao như nghiên cứu khoa học vẫn chưa thực sự trở thành một phần thường xuyên trong hoạt động nghề nghiệp.

3.2.3. Quản trị nhà trường

Nội dung tham gia giám sát và đánh giá nội bộ với ba tiêu chí có điểm trung bình từ 3,98 đến 4,02, cho thấy giáo viên đã bắt đầu đảm nhiệm vai trò giám sát chuyên môn và phản hồi hiệu quả thực thi

Bảng 5: *Thực trạng tự chủ trong hoạt động xã hội, cộng đồng của giáo viên*

Nội dung	Tiêu chí	Giá trị trung bình	Thứ bậc
Giữ gìn và lan tỏa đạo đức nghề nghiệp trong môi trường xã hội	Tôi thường xuyên thể hiện hình ảnh nhà giáo mẫu mực trong giao tiếp ngoài nhà trường.	4,07	2
	Tôi chủ động chia sẻ các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong các buổi sinh hoạt xã hội hoặc cộng đồng.	4,05	3
	Tôi giữ gìn chuẩn mực nghề nghiệp ngay cả khi không có sự giám sát từ nhà trường.	4,10	1
Tham gia và chủ động trong các hoạt động giáo dục cộng đồng	Tôi thường xuyên tham gia các chương trình giáo dục cộng đồng do địa phương hoặc nhà trường tổ chức.	3,99	1
	Tôi chủ động tham gia hoạt động tuyên truyền xã hội về giáo dục (chống bạo lực học đường, giáo dục giới tính, bảo vệ môi trường...).	3,95	2
	Tôi đề xuất hoặc phối hợp tổ chức các chương trình giáo dục cộng đồng có sự tham gia của học sinh và người dân địa phương.	3,85	3
Hỗ trợ học sinh yếu thế và kết nối các nguồn lực cộng đồng	Tôi nhận diện và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ngoài phạm vi học tập.	3,99	1
	Tôi từng vận động hoặc kết nối các nguồn lực xã hội để hỗ trợ học sinh yếu thế.	3,92	2
	Tôi tham gia hoặc khởi xướng các chương trình cộng đồng nhằm hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện.	3,89	3
Chia sẻ tri thức sư phạm và lan tỏa giá trị nghề nghiệp qua cộng đồng học tập mở	Tôi tích cực chia sẻ kiến thức, tài liệu hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp trên các diễn đàn giáo dục mở.	3,91	1
	Tôi từng viết bài, chia sẻ chuyên đề hoặc hướng dẫn đồng nghiệp về kỹ thuật sư phạm mới.	3,86	2
	Tôi giữ vai trò điều phối, tổ chức, hoặc dẫn dắt cộng đồng học tập (trực tiếp hoặc trực tuyến) bên ngoài nhà trường.	3,71	3
Khởi xướng và dẫn dắt các sáng kiến giáo dục gắn với cộng đồng	Tôi từng đề xuất hoặc thực hiện một dự án giáo dục có liên hệ với vấn đề cộng đồng (ví dụ: phát triển văn hóa đọc, chống rác thải nhựa, học tập ngoài lớp học...).	3,76	2
	Tôi từng phối hợp với các tổ chức hoặc chính quyền địa phương để triển khai sáng kiến giáo dục.	3,74	3
	Tôi tự tin với khả năng dẫn dắt các sáng kiến giáo dục có tác động tới cộng đồng và học sinh.	3,82	1

nhệm vụ giáo dục trong nhà trường. Nhìn chung, dữ liệu khảo sát ở nhóm này cho thấy giáo viên đã và đang từng bước thể hiện vai trò trong các hoạt động quản trị nhà trường. Một số lĩnh vực như xây dựng môi trường học tập tích cực hoặc giám sát nội bộ có sự tham gia rõ nét hơn. Tuy nhiên, các hoạt động liên quan đến chiến lược giáo dục, xây dựng quy chế hoặc thực thi dân chủ vẫn còn bị giới hạn ở mức độ nhất định, phần lớn do rào cản về thể chế và văn hóa tổ chức.

3.2.4. Hoạt động xã hội, cộng đồng

Nhóm nội dung chia sẻ tri thức và mở rộng ảnh hưởng nghề nghiệp thông qua môi trường học tập mở: Các tiêu chí đều ghi nhận mức điểm thấp hơn rõ rệt, đặc biệt “Tôi giữ vai trò điều phối, tổ chức, hoặc dẫn dắt cộng đồng học tập bên ngoài nhà trường” chỉ đạt 3,71 với độ lệch chuẩn vượt ngưỡng 1. Bảng trên có thể thấy, giáo viên đã thể hiện khá rõ vai trò chủ động trong việc lan tỏa đạo đức nghề nghiệp và duy trì hình ảnh tích cực trong cộng đồng. Tuy nhiên, mức độ tự chủ giảm dần ở các nội dung đòi hỏi năng lực triển khai hoạt động ngoài phạm vi trường lớp như khởi xướng sáng kiến hay tham gia các cộng đồng học tập mở. Điều này cho thấy, cần có thêm các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là về bồi dưỡng kỹ năng mềm, quản lý dự án, kết nối mạng lưới xã hội và sử dụng công nghệ.

4. Đánh giá chung

Dựa trên dữ liệu khảo sát từ 643 giáo viên tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội, có thể đánh giá một cách tổng thể như sau:

Ở khía cạnh nhận thức về tự chủ nghề nghiệp, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đã có nhận thức khá tích cực về vai trò tự chủ của mình trong các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp. Mức độ tự chủ cao nhất ghi nhận ở hoạt động dạy học và hoạt động xã hội, cộng đồng, cho thấy giáo viên đã và đang phát huy vai trò trung tâm trong quá trình giáo dục học sinh và gắn kết với xã hội. Tuy nhiên, sự tham gia của giáo viên trong công tác quản trị chuyên môn nhà trường vẫn còn nhiều hạn chế, cần có các chính sách và chương trình bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và ra quyết định cho giáo viên.

Ở khía cạnh thực trạng các nội dung của hoạt động chuyên môn theo hướng tự chủ nghề nghiệp cho thấy, giáo viên đang từng bước khẳng định vai trò chủ động trong các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp, thể hiện qua mức độ tham gia tương đối

tích cực trong dạy học, phát triển chuyên môn, quản trị nhà trường và các hoạt động xã hội - cộng đồng. Trong hoạt động giảng dạy, giáo viên cho thấy sự linh hoạt và khả năng điều chỉnh nội dung, phương pháp phù hợp với đặc điểm lớp học và yêu cầu phát triển năng lực người học. Ở phương diện phát triển chuyên môn, việc tự học và tham gia sinh hoạt chuyên môn được thực hiện một cách thường xuyên, cho thấy giáo viên đã nhận thức rõ vai trò học tập liên tục trong quá trình hành nghề. Tuy nhiên, những nội dung đòi hỏi năng lực cao hơn như nghiên cứu khoa học hay sáng kiến giáo dục vẫn còn chưa được phát huy đúng mức. Trong hoạt động quản trị nhà trường, giáo viên chủ yếu tập trung ở những lĩnh vực gần gũi như xây dựng môi trường học tập và tổ chức giám sát nội bộ. Ngược lại, việc tham gia vào quy trình xây dựng chiến lược, chính sách còn hạn chế do cơ chế chưa thật sự khuyến khích tiếng nói từ đội ngũ giảng dạy. Đối với hoạt động xã hội - cộng đồng, giáo viên giữ được vai trò tích cực trong lan tỏa đạo đức nghề nghiệp, song cần được hỗ trợ thêm về kỹ năng và cơ chế để thực hiện các vai trò kết nối cộng đồng và dẫn dắt sáng kiến giáo dục một cách hiệu quả hơn. Một khía cạnh khác có điểm trung bình thấp là mạng lưới hỗ trợ và hợp tác từ cộng đồng ngoài nhà trường. Trong giáo dục mở và phát triển nghề nghiệp bền vững, giáo viên cần có sự kết nối liên ngành, không chỉ trong giới chuyên môn mà còn với các tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, khảo sát thực tế tại các trường trung học phổ thông ở Hà Nội cho thấy mối liên hệ này vẫn còn rời rạc, thiếu cơ chế phối hợp cụ thể. Nhiều giáo viên mong muốn tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, hoặc mời chuyên gia ngoài trường tham gia vào các hoạt động giáo dục kỹ năng sống nhưng không có kênh kết nối hiệu quả.

5. Kết luận

Với các kết quả khảo sát được thể hiện ở mục 3 và đánh giá chung về thực trạng ở mục 4, có thể thấy vấn đề thực trạng hoạt động chuyên môn theo hướng tự chủ nghề nghiệp cho giáo viên trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Từ đây đặt ra vấn đề cần nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên theo hướng tăng cường tự chủ nghề nghiệp. Ở góc độ quản lý, cần thực hiện các biện pháp về phát triển năng lực tự học và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; biện pháp về tăng cường quyền tự chủ trong hoạt động giảng dạy và

đánh giá; biện pháp về phát triển năng lực tự đánh giá và phát triển nghề nghiệp liên tục; biện pháp về tạo lập môi trường làm việc hỗ trợ tự chủ nghề nghiệp. Ở lĩnh vực chuyên môn, cần khắc phục những tồn tại ở một bộ phận giáo viên còn lệ thuộc vào chỉ đạo từ cấp quản lí, tâm lí e ngại đổi mới, chưa mạnh dạn đề xuất và thực hiện các ý tưởng chuyên môn mang tính sáng tạo. Các nghiên cứu

tương lai cần hướng đến phát triển mô hình đánh giá năng lực tự chủ nghề nghiệp của giáo viên gắn với yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông và chuẩn nghề nghiệp, đồng thời mở rộng phạm vi khảo sát tới các địa bàn khác để có cái nhìn tổng thể, từ đó so sánh, đối chiếu và xây dựng các mô hình phát triển tự chủ nghề nghiệp phù hợp với bối cảnh từng địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Biesta, G., Priestley, M. & Robinson, S. (2015). The role of beliefs in teacher agency. *Teachers and Teaching*, 21(6), pp.624-640.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập*. Hà Nội.
- Darling-Hammond, L. & Bransford, J. (Eds.). (2007). *Preparing teachers for a changing world: What teachers should learn and be able to do*. John Wiley & Sons.
- Gwaltney, K. D. (2012). Teacher autonomy in the United States: Establishing a standard definition, validation of a nationally representative construct, and an investigation of policy affected teacher groups. *University of Missouri-Columbia*.
- Lieberman, A. & Miller, L. (Eds.). (2001). *Teachers caught in the action: Professional development that matters* (Vol. 31). Teachers College Press.
- OECD. (2021). *TALIS 2018 results (Volume II): Teachers and school leaders as valued professionals*. <https://doi.org/10.1787/19cf08df-en>
- Quốc hội Việt Nam. (2019). *Luật số 43/2019/QH14: Luật Giáo dục*. Hà Nội.